

Số: /KH-SGDĐT

Hải Phòng, ngày tháng năm 2026

KẾ HOẠCH
Chuyển đổi số ngành Giáo dục và Đào tạo thành phố Hải Phòng năm 2026

Căn cứ Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Nghị quyết số 71/NQ-CP và Nghị quyết số 11/NQ-CP của Chính phủ; Kế hoạch số 48/KH-UBND ngày 12/02/2026 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW; Kế hoạch số 359/KH-UBND ngày 31/12/2025 của UBND thành phố về chuyển đổi số thành phố Hải Phòng năm 2026, Sở Giáo dục và Đào tạo ban hành Kế hoạch chuyển đổi số năm 2026 như sau:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Năm 2026 là năm tăng tốc triển khai các nhiệm vụ chuyển đổi số của ngành Giáo dục và Đào tạo theo định hướng Nghị quyết số 57-NQ/TW, đồng thời là năm hoàn thiện nền tảng dữ liệu và chuẩn hóa quản trị số toàn ngành sau quá trình sắp xếp tổ chức bộ máy và điều chỉnh đơn vị hành chính.

Chuyển đổi số trong ngành giáo dục và đào tạo được xác định không chỉ là ứng dụng công nghệ thông tin đơn thuần mà là quá trình tái cấu trúc phương thức quản lý, điều hành và tổ chức hoạt động giáo dục trên nền tảng số, lấy dữ liệu làm trung tâm, lấy người học làm trọng tâm và lấy hiệu quả quản trị làm thước đo.

Cơ sở dữ liệu ngành giáo dục là nền tảng trung tâm của chuyển đổi số toàn ngành; bảo đảm dữ liệu được quản lý theo nguyên tắc "đúng - đủ - sạch - sống - thống nhất - dùng chung", có khả năng kết nối, chia sẻ với Kho dữ liệu dùng chung thành phố và các cơ sở dữ liệu quốc gia theo quy định; phục vụ hiệu quả công tác dự báo, hoạch định chính sách và điều hành.

2. Mục tiêu cụ thể

Năm 2026 tập trung thực hiện các mục tiêu chuyển đổi số theo bốn nhóm trọng tâm sau:

(1) Thể chế và quản trị số

- Hoàn thiện thể chế, chuẩn hóa và tái cấu trúc quy trình quản lý trên môi trường số;
- Nâng cao hiệu quả chỉ đạo, điều hành dựa trên dữ liệu;

- Tổ chức đánh giá mức độ chuyển đổi số đối với cơ sở giáo dục theo quy định;
- Bảo đảm việc xử lý hồ sơ công việc, trao đổi văn bản và sử dụng chữ ký số được thực hiện đồng bộ trong toàn ngành.

(2) Hạ tầng và dữ liệu số

- Hoàn thiện, chuẩn hóa và khai thác hiệu quả cơ sở dữ liệu ngành giáo dục;
- Tăng cường kết nối, chia sẻ dữ liệu với các hệ thống thông tin của thành phố và các cơ sở dữ liệu quốc gia;
- Triển khai đồng bộ học bạ số, số hóa văn bằng, chứng chỉ theo lộ trình;
- Hình thành hệ thống báo cáo, dashboard phục vụ công tác quản lý, điều hành;
- Việc trích xuất dữ liệu, khai thác dữ liệu linh động theo yêu cầu người dùng;
- Bảo đảm an toàn, an ninh thông tin đối với các hệ thống thuộc phạm vi quản lý.

(3) Phát triển nhân lực số

- Nâng cao năng lực số cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên;
- Phổ cập kỹ năng số cần thiết, cơ bản cho học sinh phù hợp từng cấp học;
- củng cố, nâng cao năng lực đội ngũ phụ trách công nghệ thông tin tại các cơ sở giáo dục.

(4) Ứng dụng chuyển đổi số trong dạy học và quản trị cơ sở giáo dục

- Triển khai hiệu quả hệ thống quản lý học tập (LMS) và kho học liệu số;
- Tăng cường ứng dụng công nghệ trong kiểm tra, đánh giá;
- Thí điểm và từng bước ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong dạy học và quản lý;
- Đẩy mạnh thanh toán không dùng tiền mặt và các tiện ích số trong trường học.

(Các chỉ tiêu cụ thể được quy định tại Phụ lục 1 kèm theo).

II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo và nâng cao nhận thức

Chuyển đổi số là nhiệm vụ chính trị quan trọng, có tính hệ thống, đòi hỏi sự vào cuộc đồng bộ của toàn ngành. Các đơn vị cần tiếp tục quán triệt đầy đủ các chủ trương của Đảng, Nhà nước và thành phố về chuyển đổi số; xác định rõ vai trò, trách nhiệm của từng cấp quản lý.

Đưa nội dung chuyển đổi số vào chương trình công tác năm học, kế hoạch hoạt động của từng đơn vị; gắn kết quả thực hiện chuyển đổi số với công tác thi đua, đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của tập thể và cá nhân.

Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát; kịp thời biểu dương các mô hình tốt, cách làm hay; chấn chỉnh những hạn chế, yếu kém trong quá trình triển khai.

2. Hoàn thiện thể chế, chuẩn hóa quy trình quản lý trên môi trường số

Rà soát, sửa đổi, bổ sung các quy chế, quy định nội bộ liên quan đến quản lý, khai thác và sử dụng hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu ngành; bảo đảm phù hợp quy định về bảo vệ dữ liệu cá nhân, an toàn thông tin mạng.

Tái cấu trúc quy trình xử lý công việc theo hướng điện tử hóa toàn diện; giảm dần việc sử dụng hồ sơ giấy; chuẩn hóa biểu mẫu, dữ liệu đầu vào nhằm bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất.

Xây dựng và ban hành hướng dẫn sử dụng công cụ số, công cụ trí tuệ nhân tạo trong dạy học và quản lý bảo đảm tính kiểm soát, minh bạch, tránh lạm dụng.

3. Phát triển hạ tầng kỹ thuật và nền tảng số

Đầu tư, nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin tại Sở và các cơ sở giáo dục; bảo đảm hệ thống mạng, máy chủ, thiết bị đầu cuối đáp ứng yêu cầu triển khai các nền tảng số.

Triển khai hoàn thiện hệ thống đăng nhập một lần (SSO) trong toàn ngành; tăng cường sử dụng chữ ký số trong xử lý văn bản và giao dịch điện tử.

Phối hợp triển khai các giải pháp thanh toán không dùng tiền mặt trong cơ sở giáo dục; theo dõi, đánh giá tỷ lệ thực hiện toàn ngành và tích hợp dữ liệu thanh toán phục vụ công tác quản lý tài chính số.

4. Phát triển và khai thác hiệu quả dữ liệu giáo dục

Tổ chức rà soát, chuẩn hóa, làm sạch dữ liệu học sinh, đội ngũ, cơ sở vật chất; bảo đảm dữ liệu được cập nhật thường xuyên, chính xác và đầy đủ.

Kết nối, chia sẻ dữ liệu với Kho dữ liệu dùng chung của thành phố; khai thác dữ liệu phục vụ công tác dự báo, hoạch định chính sách và điều hành.

Triển khai đồng bộ học bạ số tại 100% cơ sở giáo dục phổ thông, GDTX; tiếp tục số hóa sổ gốc văn bằng, chứng chỉ; xây dựng hệ thống báo cáo, bảng điều khiển (dashboard) phục vụ lãnh đạo Sở theo dõi, đánh giá tình hình.

5. Chuyển đổi số trong dạy học, kiểm tra đánh giá và quản lý nhà trường

Triển khai hiệu quả hệ thống quản lý học tập (LMS) tại các cơ sở giáo dục; phát triển kho học liệu số dùng chung, khuyến khích giáo viên xây dựng và chia sẻ tài nguyên số.

Tăng cường ứng dụng công nghệ trong kiểm tra, đánh giá; từng bước mở rộng hình thức kiểm tra trên máy tính đối với các môn học phù hợp điều kiện thực tế.

Thí điểm ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong hỗ trợ xây dựng bài giảng, phân tích kết quả học tập và quản lý lớp học; đánh giá, rút kinh nghiệm trước khi nhân rộng. Đồng thời, tăng cường ứng dụng các nền tảng số trong quản trị nhà trường; chuẩn hóa và khai thác dữ liệu học sinh, lớp học, điểm số, thời khóa biểu trên môi trường điện tử; bảo đảm liên thông với cơ sở dữ liệu ngành. Đẩy mạnh triển khai

thanh toán không dùng tiền mặt, liên lạc điện tử và các tiện ích số phục vụ công tác quản lý, điều hành tại cơ sở giáo dục.

Tổ chức triển khai hệ thống đánh giá mức độ chuyển đổi số đối với cơ sở giáo dục theo quy định; ứng dụng công nghệ số trong công tác kiểm định chất lượng giáo dục, từng bước số hóa minh chứng kiểm định, tích hợp dữ liệu kiểm định vào cơ sở dữ liệu ngành nhằm phục vụ công tác quản lý, giám sát và nâng cao chất lượng giáo dục.

6. Phát triển nguồn nhân lực và nâng cao năng lực số

Tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng nâng cao năng lực số cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên; chú trọng kỹ năng khai thác dữ liệu, sử dụng nền tảng số và bảo đảm an toàn thông tin.

Phổ cập kỹ năng số cho học sinh theo khung năng lực số phù hợp từng cấp học; từng bước triển khai nội dung giáo dục trí tuệ nhân tạo trong nhà trường theo lộ trình và điều kiện thực tế.

Nâng cao năng lực đội ngũ phụ trách công nghệ thông tin tại các cơ sở giáo dục; bảo đảm mỗi đơn vị có đầu mối kỹ thuật đủ khả năng triển khai nhiệm vụ chuyển đổi số.

7. Bảo đảm an toàn, an ninh thông tin

Rà soát, hoàn thiện hồ sơ xác định cấp độ an toàn hệ thống thông tin; triển khai đầy đủ các biện pháp kỹ thuật và quản lý bảo đảm an toàn dữ liệu.

Tăng cường tuyên truyền, tập huấn về bảo vệ dữ liệu cá nhân, phòng chống tấn công mạng, lừa đảo trực tuyến; tổ chức kiểm tra, đánh giá định kỳ công tác an toàn thông tin tại các đơn vị.

Tổ chức diễn tập ứng cứu sự cố an toàn thông tin, an ninh mạng trong toàn ngành; nâng cao khả năng phát hiện, xử lý và phục hồi hệ thống khi xảy ra sự cố. Xác định vai trò, trách nhiệm của tập thể cá nhân vi phạm về dữ liệu và an toàn mạng.

III. DANH MỤC NHIỆM VỤ CỤ THỂ

(Theo Phụ lục 2 kèm theo)

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí thực hiện Kế hoạch chuyển đổi số năm 2026 được bảo đảm từ các nguồn sau:

- Ngân sách nhà nước theo phân cấp quản lý hiện hành;
- Nguồn kinh phí chi thường xuyên của các đơn vị theo dự toán được giao;
- Nguồn xã hội hóa và các nguồn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Giáo dục và Đào tạo

1.1. Văn phòng Sở

- Là đơn vị đầu mối tham mưu, điều phối chung việc triển khai Kế hoạch chuyển đổi số năm 2026;

- Tham mưu ban hành các văn bản hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Kế hoạch;

- Theo dõi, tổng hợp, đánh giá kết quả thực hiện các chỉ tiêu chuyển đổi số toàn ngành theo Phụ lục 1;

- Chủ trì quản lý, vận hành cơ sở dữ liệu ngành; hệ thống SSO, dashboard và các nền tảng dùng chung;

- Tổ chức đánh giá mức độ chuyển đổi số đối với cơ sở giáo dục theo quy định;

- Tổng hợp, báo cáo định kỳ và đột xuất về tình hình, kết quả thực hiện chuyển đổi số của ngành với UBND thành phố và cơ quan có thẩm quyền;

- Chủ trì kiểm tra, giám sát, đề xuất chấn chỉnh các tồn tại, hạn chế trong quá trình triển khai.

1.2. Phòng Kế hoạch - Tài chính

- Tham mưu bố trí kinh phí thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số theo quy định;

- Hướng dẫn các đơn vị lập dự toán, quản lý, sử dụng kinh phí đúng quy định;

- Theo dõi, tổng hợp tình hình triển khai thanh toán không dùng tiền mặt trong toàn ngành;

- Thẩm định, hướng dẫn việc thuê dịch vụ công nghệ thông tin phục vụ chuyển đổi số.

1.3. Các phòng chuyên môn, nghiệp vụ

- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, chủ trì triển khai các nhiệm vụ chuyển đổi số thuộc lĩnh vực phụ trách theo Phụ lục 2;

- Phối hợp Văn phòng Sở trong chuẩn hóa dữ liệu, cập nhật cơ sở dữ liệu ngành;

- Chỉ đạo, hướng dẫn cơ sở giáo dục thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số theo cấp học, lĩnh vực chuyên môn;

- Định kỳ báo cáo tiến độ thực hiện nhiệm vụ được giao.

2. Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu

- Phối hợp chỉ đạo các cơ sở giáo dục trên địa bàn triển khai nhiệm vụ chuyển đổi số theo Kế hoạch;
- Tạo điều kiện về hạ tầng, nguồn lực theo phân cấp quản lý;
- Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo trong công tác kiểm tra, giám sát khi được yêu cầu.

3. Các cơ sở giáo dục

- Căn cứ Kế hoạch này, xây dựng kế hoạch chuyển đổi số của đơn vị phù hợp điều kiện thực tế;
- Phân công cán bộ phụ trách chuyển đổi số, bảo đảm có đầu mối kỹ thuật và đầu mối chuyên môn;
- Tổ chức triển khai các nhiệm vụ theo Phụ lục 2; cập nhật, chuẩn hóa dữ liệu đầy đủ, chính xác, kịp thời;
- Thực hiện tự đánh giá mức độ chuyển đổi số và báo cáo định kỳ theo yêu cầu của Sở.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện chuyển đổi số năm 2026 của ngành GDĐT. Sở GDĐT yêu cầu lãnh đạo các đơn vị nghiêm túc nghiên cứu và triển khai./.

Nơi nhận:

- UBND TP (để bc);
- UBND xã, phường, đặc khu;
- Lãnh đạo Sở;
- Các phòng cơ quan Sở;
- Đơn vị trực thuộc Sở;
- Lưu: VT, VP.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Uông Minh Long

Phụ lục 1

BỘ CHỈ TIÊU CHUYỂN ĐỔI SỐ NGÀNH GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO NĂM 2026

(Kèm theo Kế hoạch số .../KH-SGDDĐT ngày ... tháng ... năm 2026 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức đạt 2026
I	Thể chế và quản trị số		
1	Hồ sơ công việc xử lý trên môi trường điện tử (trừ hồ sơ mật)	%	100%
2	Văn bản trao đổi giữa Sở và cơ sở giáo dục dưới dạng điện tử	%	≥95%
3	Cán bộ quản lý, giáo viên sử dụng chữ ký số	%	100%
4	Cơ sở giáo dục thực hiện tự đánh giá mức độ CDS	%	100%
5	Cơ sở giáo dục đạt mức độ CDS mức 2 trở lên	%	≥95%
6	Quy trình nội bộ được số hóa, tái cấu trúc	%	≥80%
II	Hạ tầng và dữ liệu số		
7	Hồ sơ học sinh được chuẩn hóa, đồng bộ trên CSDL ngành	%	100%
8	Dữ liệu học sinh được xác thực với CSDL quốc gia về dân cư	%	≥98%
9	Cơ sở giáo dục triển khai học bạ số	%	100%
10	Sổ gốc văn bằng được số hóa theo lộ trình	%	≥90%
11	Hệ thống thông tin được phê duyệt cấp độ an toàn thông tin	%	100%
12	Dữ liệu giáo dục kết nối, chia sẻ với Kho dữ liệu dùng chung thành phố	%	100%

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức đạt 2026
III	Phát triển nhân lực số		
13	Cán bộ quản lý được bồi dưỡng nâng cao năng lực số	%	100%
14	Giáo viên được tập huấn kỹ năng số	%	≥90%
15	Cơ sở giáo dục có cán bộ phụ trách CNTT/CĐS	%	100%
16	Học sinh được trang bị kỹ năng số cơ bản	%	≥85%
17	Đơn vị tổ chức ít nhất 01 hoạt động tuyên truyền về CĐS	%	100%
IV	Ứng dụng chuyển đổi số trong dạy học và quản trị cơ sở giáo dục		
18	Cơ sở giáo dục triển khai hệ thống LMS	%	100%
19	Giáo viên sử dụng học liệu số trong giảng dạy	%	≥80%
20	Cơ sở giáo dục tổ chức kiểm tra, đánh giá bằng hình thức trực tuyến (môn phù hợp)	%	≥50%
21	Đơn vị thí điểm ứng dụng AI trong dạy học	Cơ sở giáo dục	≥300
22	Tỷ lệ thanh toán không dùng tiền mặt trong trường học	%	100%

PHỤ LỤC 2

DANH MỤC NHIỆM VỤ CỤ THỂ CHUYỂN ĐỔI SỐ NĂM 2026

(Kèm theo Kế hoạch số .../KH-SGDDĐT ngày ... tháng ... năm 2026)

STT	Nhiệm vụ cụ thể	Sản phẩm/Kết quả	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian
I	Quản trị, điều hành và hoàn thiện thể chế chuyển đổi số trong toàn ngành				
1	Tổ chức theo dõi, tổng hợp và đánh giá định kỳ việc thực hiện các chỉ tiêu chuyển đổi số toàn ngành theo Phụ lục 1	Báo cáo quý; báo cáo năm; bảng tổng hợp chỉ tiêu	Văn phòng Sở	Các phòng; các cơ sở giáo dục	Hàng quý
2	Tổ chức triển khai đánh giá mức độ chuyển đổi số đối với cơ sở giáo dục theo quy định; tổng hợp, công bố kết quả phục vụ chỉ đạo, điều hành	Báo cáo đánh giá; danh sách mức độ CDS	Văn phòng Sở	Các phòng; các cơ sở giáo dục	Quý I, II
3	Rà soát, chuẩn hóa và tái cấu trúc quy trình xử lý văn bản, hồ sơ công việc trên môi trường điện tử; đôn đốc sử dụng thống nhất trong toàn ngành	Quy trình chuẩn hóa; hướng dẫn thực hiện	Văn phòng Sở	Các phòng	Hàng quý
4	Ban hành hướng dẫn kỹ thuật, quy trình khai thác các nền tảng số dùng chung (eOffice, SSO, CSDL ngành, dashboard...) và chế độ báo cáo số liệu	Văn bản hướng dẫn; bộ biểu mẫu	Văn phòng Sở	Các phòng; các cơ sở giáo dục	Quý I
5	Tổ chức triển khai sử dụng chữ ký số trong xử lý công việc; kiểm tra, đánh giá tỷ lệ sử dụng và chấn chỉnh kịp thời	Báo cáo kết quả triển khai; tỷ lệ sử dụng	Văn phòng Sở	Phòng TCCB; các cơ sở giáo dục	Hàng quý

STT	Nhiệm vụ cụ thể	Sản phẩm/Kết quả	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian
6	Hoàn thiện, vận hành hệ thống đăng nhập một lần (SSO) và phân quyền sử dụng các hệ thống dùng chung toàn ngành	Hệ thống SSO vận hành ổn định; tài khoản phân quyền	Văn phòng Sở	Đơn vị CNTT; các cơ sở giáo dục	Quý IV
II	Phát triển dữ liệu số và cơ sở dữ liệu ngành; kết nối, chia sẻ dữ liệu phục vụ quản trị				
7	Tổ chức rà soát, làm sạch, chuẩn hóa dữ liệu học sinh, đội ngũ, cơ sở vật chất trên CSDL ngành; thống nhất mã định danh và cấu trúc dữ liệu	Bộ dữ liệu chuẩn hóa; biên bản đối soát	Văn phòng Sở	Phòng GDMN-GDTH; Phòng GDTrH; Phòng QLCL; các cơ sở giáo dục	Thường xuyên
8	Đồng bộ và xác thực dữ liệu học sinh với CSDL quốc gia về dân cư theo Đề án 06; tổ chức triển khai các nhiệm vụ ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số và thông kê giáo dục gắn với Đề án 06 theo kế hoạch năm học; bảo đảm đồng bộ, liên thông dữ liệu dân cư, định danh điện tử và các cơ sở dữ liệu quốc gia liên quan.	Báo cáo kết quả; tỷ lệ xác thực đạt yêu cầu	Văn phòng Sở	Các phòng; các cơ sở giáo dục	Thường xuyên
9	Kết nối, chia sẻ dữ liệu giáo dục với Kho dữ liệu dùng chung/IOC của thành phố theo quy định	Biên bản nghiệm thu kết nối	Văn phòng Sở	Sở KH&CN; các cơ sở giáo dục	Thường xuyên
10	Xây dựng, hoàn thiện hệ thống dashboard phục vụ lãnh đạo Sở theo dõi, chỉ đạo điều hành	Dashboard vận hành; bộ chỉ số	Văn phòng Sở	Các phòng	Quý III

STT	Nhiệm vụ cụ thể	Sản phẩm/Kết quả	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian
11	Tổ chức triển khai đồng bộ học bạ số đối với cơ sở giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên; bảo đảm thống nhất hệ thống, chuẩn hóa dữ liệu và tích hợp CSDL ngành	100% GDPT, GDTX triển khai; dữ liệu đồng bộ	Văn phòng Sở	Phòng GDMN-GDTH; Phòng GDTrH; Phòng GDTX, GDNN&ĐH; các cơ sở giáo dục	Quý II
12	Tổ chức số hóa, cập nhật sổ gốc văn bằng, chứng chỉ theo lộ trình	CSDL văn bằng số; quy trình chuẩn	Phòng QLCL	Văn phòng Sở; các cơ sở giáo dục	Thường xuyên
III	Chuyển đổi số trong dạy học, kiểm tra đánh giá và quản trị cơ sở giáo dục				
13	Triển khai, nâng cao hiệu quả sử dụng hệ thống LMS đối với cấp mầm non, tiểu học	100% trường triển khai; báo cáo sử dụng	Phòng GDMN-GDTH	Văn phòng Sở; các cơ sở giáo dục	Thường xuyên
14	Triển khai, nâng cao hiệu quả sử dụng hệ thống LMS đối với cấp THCS, THPT	100% trường triển khai; báo cáo sử dụng	Phòng GDTrH	Văn phòng Sở; các cơ sở giáo dục	Thường xuyên
15	Tổ chức kiểm tra, đánh giá bằng hình thức trực tuyến đối với các môn học phù hợp điều kiện thực tế	Báo cáo kết quả; tỷ lệ trường thực hiện	Phòng GDTrH	Phòng QLCL; các cơ sở giáo dục	Thường xuyên
16	Thí điểm ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong hỗ trợ dạy học và quản lý lớp học; đánh giá, rút kinh nghiệm	Báo cáo thí điểm; đề xuất nhân rộng	Phòng GDTrH	Phòng GDMN-GDTH; Văn phòng Sở; các cơ sở giáo dục	Thường xuyên
17	Chuẩn hóa, khai thác dữ liệu thi, dữ liệu học sinh và dữ liệu quản trị nhà trường (lớp học, điểm, thời	Báo cáo phân tích; bộ dữ liệu chuẩn	Phòng QLCL	Phòng GDTrH; Văn phòng Sở; các cơ sở giáo dục	Quý II-III

STT	Nhiệm vụ cụ thể	Sản phẩm/Kết quả	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian
	khóa biểu...) phục vụ phân tích chất lượng giáo dục và điều hành.				
18	Xây dựng, bổ sung kho học liệu số dùng chung toàn ngành; khuyến khích chia sẻ tài nguyên số	Kho học liệu cập nhật; báo cáo thống kê	Phòng GDTrH	Phòng GDMN-GDTH; các cơ sở giáo dục	Thường xuyên
IV	Phát triển nhân lực số và nâng cao năng lực chuyển đổi số				
19	Tổ chức bồi dưỡng nâng cao năng lực số cho cán bộ quản lý các cấp	Báo cáo tập huấn; danh sách hoàn thành	Phòng GDTX, GDNN&ĐH	Văn phòng Sở; các cơ sở giáo dục	Thường xuyên
20	Tổ chức tập huấn kỹ năng số và sử dụng nền tảng số cho giáo viên theo từng cấp học	Báo cáo kết quả; tỷ lệ tham gia	Phòng GDTX, GDNN&ĐH	Phòng GDMN-GDTH; Phòng GDTrH; các cơ sở giáo dục	Thường xuyên
21	Bồi dưỡng kỹ năng số, kỹ năng an toàn số cho học viên khối GDTX	Báo cáo kết quả	Phòng GDTX, GDNN&ĐH	Các trung tâm GDTX	Thường xuyên
22	Rà soát, tham mưu bố trí vị trí việc làm liên quan CNTT, chuyển đổi số tại đơn vị	Báo cáo rà soát; đề xuất phương án	Phòng TCCB	Văn phòng Sở; các phòng	Thường xuyên
V	Tài chính số và huy động nguồn lực cho chuyển đổi số				
23	Hướng dẫn triển khai thanh toán không dùng tiền mặt trong cơ sở giáo dục	Văn bản hướng dẫn	Phòng KHTC	Văn phòng Sở; các cơ sở giáo dục	Quý I
24	Theo dõi, đánh giá tỷ lệ thanh toán không dùng tiền mặt toàn ngành; tham mưu giải pháp nâng cao	Báo cáo quý	Phòng KHTC	Các cơ sở giáo dục	Hàng quý

STT	Nhiệm vụ cụ thể	Sản phẩm/Kết quả	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian
25	Hướng dẫn, thẩm định việc thuê dịch vụ CNTT phục vụ chuyển đổi số theo quy định	Văn bản hướng dẫn; kết quả thẩm định	Phòng KHTC	Văn phòng Sở; các phòng	Quý II
VI	Bảo đảm an toàn, an ninh thông tin và bảo vệ dữ liệu cá nhân				
26	Hoàn thiện hồ sơ xác định cấp độ an toàn hệ thống thông tin ngành	Hồ sơ cấp độ được phê duyệt	Văn phòng Sở	Đơn vị CNTT; các cơ sở giáo dục	Quý III
27	Tổ chức tập huấn về bảo vệ dữ liệu cá nhân và an toàn thông tin trong trường học	Báo cáo tập huấn; tài liệu hướng dẫn	Văn phòng Sở	Phòng GDTX, GDNN&ĐH; các cơ sở giáo dục	Quý II
28	Kiểm tra, giám sát công tác bảo đảm an toàn thông tin tại cơ sở giáo dục	Biên bản kiểm tra; báo cáo tổng hợp	Văn phòng Sở	Phòng QLCL; các cơ sở giáo dục	Quý III
29	Tổ chức diễn tập xử lý sự cố an ninh mạng trong ngành giáo dục	Kịch bản; báo cáo diễn tập	Văn phòng Sở	Đơn vị CNTT; các cơ sở giáo dục	Quý IV
VII	Truyền thông và nhân rộng mô hình chuyển đổi số				
30	Tổ chức các hoạt động truyền thông, hưởng ứng Ngày Chuyển đổi số quốc gia; tuyên truyền, nhân rộng mô hình, sáng kiến CDS trong ngành	Kế hoạch/hoạt động truyền thông; tin, bài	Văn phòng Sở	Các phòng; các cơ sở giáo dục	Thường xuyên